

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 1655/QĐ-ĐHTT, ngày 01 tháng 9 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình:	Kinh tế nông nghiệp
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kinh tế nông nghiệp
Mã số:	52620115
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo **Cử nhân kinh tế nông nghiệp** có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có trình độ chuyên môn vững vàng đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo của khóa học, cử nhân Kinh tế nông nghiệp đạt được những mục tiêu cụ thể về:

1.2.1. Kiến thức:

- Tích lũy đầy đủ kiến thức và nội dung chương trình toàn khoá quy định đối với ngành Kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng;

- Nghiên cứu, giải thích và phân tích được những kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế, quản lý tài chính và quản trị trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, phát triển nông thôn;

- Xây dựng được kế hoạch trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông nghiệp cũng như các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn;

- Trình độ ngoại ngữ tiếng Anh từ trình độ B trở lên; sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản, tin học văn phòng và tin học chuyên ngành Kinh tế;

1.2.2. Kỹ năng:

- Có khả năng tìm kiếm, tập hợp và sử dụng thông tin trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư vào phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp;

- Có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin kinh tế; giải quyết vấn đề; đề xuất giải pháp và kiến nghị trong lĩnh vực nông nghiệp; phát triển nông thôn;

- Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Có kỹ năng giao tiếp và hợp tác, đặc biệt là với cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp, các ngành và nông dân; trao đổi, tập huấn cho nông dân và cán bộ nông thôn;

- Có kỹ năng đánh giá và xác định những tác động cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến các dự án đầu tư trong các lĩnh vực của nền kinh tế, nhất là kinh tế nông nghiệp.

1.2.3. Thái độ:

- Có lập trường quan điểm vững vàng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, luôn trung thành với đường lối, chính sách của Đảng cộng sản và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hiện đúng nghĩa vụ, quyền lợi của người công dân;

- Có ý thức học và tự học, kiên trì, chăm chỉ, năng động, sáng tạo, nhiệt tình, say mê công việc; yêu mến và gắn bó với nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với các điều kiện làm việc khác nhau (khu vực nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa);

- Luôn ứng xử có văn hóa, có khát vọng vươn lên trong công việc, trong nghiên cứu, quản lý và làm giàu chính đáng, hợp pháp;

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ***Kinh tế nông nghiệp*** sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận vị trí là cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn các cấp; làm việc cho các chương trình, dự án, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; các tổ chức tài chính, ngân hàng, hợp tác xã nông nghiệp, trang trại hoặc trực tiếp tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp; giảng dạy về kinh tế trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; làm việc cho các tổ chức Quốc tế, các tổ chức tư vấn về kinh tế, nông nghiệp, nông thôn.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khỏe để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường, 1 học kỳ thực tập giáo trình và thực tập tốt nghiệp tại cơ sở thực tế. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy thực hiện đúng theo quy định hiện hành (*đào tạo theo hệ thống tín chỉ*) của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội tụ đủ các điều kiện theo quy định hiện hành (*đào tạo theo hệ thống tín chỉ*) của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

6. Thang điểm

Thực hiện theo quy chế đào tạo hệ đại học, cao đẳng hệ chính quy (theo hệ thống tín chỉ) của Bộ Giáo dục & Đào tạo và các văn bản hướng dẫn của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương			29	291	144			
7.1.1. Lí luận Chính trị			10	121	29			
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	23	7		×	
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	38	7		×	
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23	7		×	
4	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	37	8		×	
7.1.2. Ngoại ngữ			7	50	55			
5	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	22	23		×	
6	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	14	16		×	
7	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	14	16		×	
7.1.3. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Tâm lý học.			10	97	53			
8	TN2.1.108.3	Toán cao cấp	3	25	20		×	
9	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	3	30	15		×	
10	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	19	11		×	
11	TL2.1.012.2	Tâm lý học quản lý	2	23	7			
7.1.4. Khoa học xã hội			2	23	7			

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
12	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	23	7		x	
7.1.5. Giáo dục Thể chất – GD Quốc phòng			14					
13	TC2.1.001.3	Giáo dục Thể chất 1	03				×	
14	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	03					×
15	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 2)	03					×
16	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	03					×
17	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	03					×
18	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	03					×
19	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	03					×
20	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	02					×
21	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	02					×
22	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	02					×
23	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	02					×
24	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	02					×
25	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	02					×
26	TC2.1.014.3	QDQP – An ninh	03				×	
27	TC2.1.015.3	QDQP – An ninh	03				×	
28	TC2.1.016.3	QDQP – An ninh	03				×	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			91	929	316	780		
7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành			6	70	20			

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
29	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô I	3	35	10		×	
30	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô I	3	35	10		×	
7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành			23	267	78			
30	KT2.1.003.2	Marketing căn bản	2	23	7		×	
31	KT2.1.051.3	Nguyên lý kinh tế nông nghiệp	3	35	10		×	
32	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán	3	35	10		×	
33	KT2.1.006.3	Kinh tế lượng	3	35	10		×	
34	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê	3	35	10		×	
35	KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ	3	35	10		×	
36	KT2.1.009.2	Pháp luật kinh tế	2	23	7		×	
37	XH2.1.054.2	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	23	7			×
38	KT2.1.010.2	Quản trị học	2	23	7			×
39	KT2.1.052.2	Quan hệ công chúng	2	23	7			×
40	LL2.1.013.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	25	5			×
41	KT2.1.046.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	23	7			×
42	XH2.1.002.2	Kinh tế Việt Nam	2	23	7			×
7.2.3. Kiến thức cơ sở của ngành chính			20	223	77			
42	KT2.1.053.2	Kinh tế vi mô II	2	23	7		×	
43	KT2.1.055.2	Kinh tế vĩ mô II	2	23	7		×	
44	TN2.1.111.3	Toán kinh tế	3	30	15		×	
45	KT2.1.056.2	Kinh tế công cộng	2	23	7		×	
46	KT2.1.057.3	Kinh tế phát triển	3	30	15		×	
47	NN2.1.052.2	Trồng trọt cơ bản	2	24	6		×	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
48	NN2.1.053.2	Chăn nuôi cơ bản	2	24	6		×	
49	KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế	2	23	7			×
50	XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản	2	23	7			×
51	KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán	2	23	7			×
52	KT2.1.045.2	Tin học ứng dụng	2	18	12			×
53	NN2.1.013.2	Phương pháp khuyến nông	2	24	6			×
54	KT2.1.022.2	Thuế Nhà nước	2	23	7			×
7.2.4. Kiến thức chuyên ngành Kinh tế NN			32	295	125		180	
55	KT2.1.058.3	Chính sách nông nghiệp	3	30	15		×	
56	KT2.1.059.3	Thị trường giá cả nông sản	3	30	15		×	
57	KT2.1.060.3	Kinh tế nông hộ	3	30	15		×	
58	KT2.1.061.2	Marketing nông nghiệp	2	23	7		×	
59	KT2.1.062.3	Phát triển nông thôn	3	30	15		×	
60	KT2.1.063.3	Kinh tế các ngành sản xuất	3	30	15		×	
61	KT2.1.064.2	Thống kê kinh tế nông nghiệp	2	23	7		×	
62	KT2.1.065.3	Tiếng Anh chuyên ngành	3	30	15		×	
63	KT2.1.066.2	Chiến lược và kế hoạch phát triển	2	23	7			×
64	KT2.1.067.2	Kinh tế hợp tác	2	23	7			×
65	KT2.1.068.2	Kinh tế tài nguyên	2	23	7			×
66	KT2.1.069.2	Kinh tế thương mại dịch vụ.	2	23	7			×
67	KT2.1.070.2	Kinh tế nguồn nhân lực	2	23	7			×
68	KT2.1.071.4	Thực hành nghề nghiệp	4			180	×	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
7.2.5. Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế khóa luận)			10	69	21	600		
69	KT2.1.038.4	Thực tập cuối khóa (1TC = 60 giờ)	4			240	×	
70	KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp (1TC = 60 giờ)	6			360	×	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6	69	21			
71	KT2.1.072.2	Quản lý Nhà nước về kinh tế.	2	23	7			×
72	KT2.1.073.2	Quản lý dự án.	2	23	7			×
73	KT2.1.074.2	Nghiên cứu và đánh giá nông thôn.	2	23	7			×
74	KT2.1.075.2	Quản lý kinh tế hộ và trang trại.	2	23	7			×
75	KT2.1.076.2	Kinh tế và quản lý lao động.	2	23	7			×
Tổng cộng			120	1.220	460	780	108	12

Ghi chú:

- Chương trình đào tạo có tổng khối lượng kiến thức là 120 tín chỉ
(Không kể giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng)
- Kiến thức cơ sở **ngành**: Số tín chỉ tự chọn 04 (02 học phần)
- Kiến thức cơ sở của **ngành chính**: Số tín chỉ tự chọn 04 (02 học phần)
- Kiến thức **chuyên ngành**: Số tín chỉ tự chọn 04 (02 học phần)
- Học phần thay thế **khóa luận tốt nghiệp**: Số tín chỉ tự chọn 06 (03 học phần)

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì								
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1			2	2								
2	TN2.1.108.3	Toán cao cấp			3	3								
3	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			3	3								
4	TNL2.1.501.2	Tin học đại cương			2	2								
5	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán			3	3								
6	TL2.1.012.2	Tâm lý học quản lý			2	2								
7	TC2.1.001.3	<i>Giáo dục thể chất 1</i>			3	3								
8	KT2.1.003.2	Marketing căn bản			2		2							
9	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	TN2.1.108.3		3		3							
10	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3		2		2							
11	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương			2		2							
12	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô I	TN2.1.108.3		3		3							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
13	LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2	LL2.1.001.2		3		3						
14	TC2.1.014.2	<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1</i>			3	3							
15	TC2.1.015.2	<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2</i>			3	3							
16	TC2.1.016.2	<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3</i>			3	3							
17	TC2.1.002.3	<i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)</i>			3		3						
18	TC2.1.003.3	<i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)</i>			3		3						
19	TC2.1.004.3	<i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)</i>			3		3						
20	TC2.1.005.3	<i>Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)</i>			3		3						
21	TC2.1.006.3	<i>Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)</i>			3		3						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
22	TC2.1.007.3	<i>Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)</i>			3		3						
23	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.002.2		2			2					
24	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô I			3			3					
25	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3			2			2					
26		<i>Tự chọn kiến thức cơ sở của ngành (HP1)</i>			2			2					
27	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê			3			3					
28	KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ			3			3					
29	TC2.1.008.2	<i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)</i>			3			3					
30	TC2.1.009.2	<i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)</i>			3			3					
31	TC2.1.010.2	<i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng chày 2)</i>			3			3					
32	TC2.1.011.2	<i>Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)</i>			3			3					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
33	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)			3			3					
34	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)			3			3					
35	KT2.1.053.2	Kinh tế vi mô II	KT2.1.001.3		2				2				
36	KT2.1.055.2	Kinh tế vĩ mô II	KT2.1.002.3		2				2				
37	KT2.1.006.3	Kinh tế lượng	TN2.1.108.3		3					3			
38	KT2.1.009.2	Pháp luật kinh tế	LL2.1.007.3		2				2				
39		Tự chọn kiến thức cơ sở của ngành (HP2)			2				2				
40	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LL2.1.003.3		3				3				
41		Tự chọn kiến thức cơ sở của ngành chính (HP1)			2				2				
42	TN2.1.111.3	Toán kinh tế	TN2.1.108.3		3					3			
43	KT2.1.056.2	Kinh tế công cộng			2					2			
44	KT2.1.057.3	Kinh tế phát triển			3					3			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
58		<i>Tự chọn kiến thức chuyên ngành (HP2)</i>			2							2	
59		<i>Tự chọn kiến thức chuyên ngành (HP3)</i>			2							2	
60	KT2.1.071.4	Thực hành nghề nghiệp			4							4	
61	KT2.1.038.4	Thực tập cuối khóa			4								4
62	KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp			6								6
63		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (HP 1)			2								2
64		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (HP 2)			2								2
65		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (HP 3)			2								2
		Tổng cộng			120	15	15	15	16	17	16	16	10

9. Mô tả học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2 (5 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin được thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những nội dung cơ bản trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về các vấn đề: Thế giới quan và phương pháp luận triết học; học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội.

9.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2

Nội dung học phần Tư Tưởng Hồ Chí Minh Theo hướng dẫn Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT về chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Học phần cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; người học có những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

9.3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng từ khi thành lập Đảng đến nay, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới.

9.4. Tiếng Anh 1 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; SV được rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ - nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi thông tin, hiểu được thông tin về cá nhân, gia đình, các hoạt động hàng ngày, sở thích, sự việc trong quá khứ, kế hoạch tương lai,

Kết thúc học phần, SV có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A1

9.5. Tiếng Anh 2 (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 1

Học phần tiếp tục cung cấp cho SV những kiến thức của tiếng Anh ở các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi thông tin, hiểu được thông tin về sở thích cá nhân, sự nghiệp, công việc, nghề nghiệp, trải nghiệm trong cuộc sống...

Kết thúc học phần, SV có trình độ tiếng Anh tương đương đầu Bậc A2.

9.6. Tiếng Anh 3 (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 2

Học phần tiếp tục cung cấp cho SV những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi, hiểu được thông tin về các sự kiện trong cuộc sống, đánh giá, nhận xét, trình bày quan điểm về các vấn đề xã hội, lịch sử, văn hóa, ...

Kết thúc học phần, SV có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A2.

9.7. Toán cao cấp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, hàm số nhiều biến số, phép tính tích phân của hàm số một biến số, tích phân kép, phương trình vi phân và chuỗi số.

9.8. Xác suất - Thống kê (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

9.9. Tin học đại cương (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tin học như: Hệ thống máy tính, các khái niệm cơ bản về máy tính, thông tin, dữ liệu,... Khai thác một số phần mềm ứng dụng như: Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Power Point và hướng dẫn các thao tác về Internet, Email, ...

9.10. Pháp luật đại cương (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam làm nền tảng cho việc học, thực hiện pháp luật, là cơ sở để sinh viên tiếp tục nghiên cứu học phần Pháp luật kinh tế.

9.11. Giáo dục thể chất (5TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất; một số kiến thức cơ bản về Y - Sinh học Thể dục, thể thao; chạy cự li ngắn; cự li trung bình; những động tác, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, võ thuật), đặc điểm, ý nghĩa tác dụng của GDTC đối với người tập luyện; hiểu được một số điều luật cơ bản, chiến thuật đơn giản trong các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài ... Nhằm phát triển con người toàn diện (Đức – Trí – Thể - Mỹ);

9.12. Giáo dục quốc phòng (9TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng - An ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam; những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Luyện tập cho người học những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

9.14. Kinh tế vi mô I (03 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về kinh tế vi mô như: quy luật cung, cầu; độc quyền, cạnh tranh và tối ưu hóa; những kiến thức kinh tế cơ sở về lý thuyết người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; đặc điểm từng loại thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

9.15. Kinh tế vĩ mô I (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô như: kiến thức tổng quan về kinh tế học vĩ mô; đo lường sản lượng và mức giá; tăng trưởng kinh tế; tiết kiệm, đầu tư và hệ thống tài chính; thất nghiệp; tổng cầu, tổng cung và chính sách tài khóa; tiền tệ và chính sách tiền tệ; lạm phát; kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở, góp phần trang bị cho người học những kiến thức để có thể phân tích các vấn đề có liên quan ở những môn học ứng dụng khác sau này.

9.15. Quản trị học (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị trong các tổ chức và doanh nghiệp, tập trung nghiên cứu, phân tích các vấn đề như: Khái niệm, kỹ năng, nguyên tắc, quyết định và các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra), trên cơ sở đó đi sâu vào quản trị sản xuất tác nghiệp; quản trị nguồn nhân lực, quyết định và xây dựng chiến lược trong kinh doanh.

9.16. Nguyên lý thống kê (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học thống kê: Mặt lượng, liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn, gắn liền với các điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Đồng thời, tập trung nghiên cứu các quá trình điều tra; tổng hợp số liệu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê chủ yếu.

9.17. Tài chính- Tiền tệ (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về hệ thống tài chính - tiền tệ như: Bản chất, chức năng, chính sách, cấu trúc hệ thống tài chính; xác định các chỉ tiêu kinh tế - tài chính cơ bản (lạm phát, lãi suất, tín dụng, chi phí, giá thành,...) trong nền kinh tế thị trường và một số vấn đề xoay quanh các tổ chức tín dụng trung gian.

9.18. Pháp luật kinh tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Pháp luật đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những quy định pháp luật của Việt Nam, tập trung đi sâu nghiên cứu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động kinh tế - tài chính; các quy định về hợp đồng kinh tế; giải quyết các tranh chấp, phá sản trong các loại hình doanh nghiệp; đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

9.19. Marketing căn bản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Marketing, vai trò, chức năng của thị trường; phương pháp nghiên cứu (các quy luật kinh tế thị trường, tính quy luật nhu cầu thị trường); phân tích thị trường; hành vi mua hàng và nhu cầu của người tiêu dùng; xây dựng các chính sách sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến, yểm trợ nhằm đạt được hiệu quả tối ưu trong kinh doanh.

9.20. Nguyên lý kế toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những nguyên lý chung về kế toán như: Bản chất, đối tượng và các phương pháp hạch toán kế toán. Trên cơ sở đó tập trung đi sâu nghiên cứu những nội dung cơ bản của từng phương pháp kế toán (chứng từ, tài khoản, tính giá và tổng hợp – cân đối kế toán), vận dụng vào việc hạch toán các quá trình kinh tế chủ yếu của đơn vị kế toán; sổ kế toán và các hình thức kế toán; báo cáo kế toán, giúp người học có cái nhìn tổng quan ban đầu về công việc của kế toán và học tập các học phần kế toán chuyên ngành.

9.21. Thuế Nhà nước (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức chuyên môn về thuế Nhà nước: Lý luận về thuế; hệ thống thuế Việt Nam; khái niệm, đặc điểm cơ bản, phương pháp tính từng loại thuế, các thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán từng sắc thuế; công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về thuế theo từng luật thuế.

9.22. Tin học ứng dụng (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tin học đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tin học được ứng dụng trong hoạt động kinh tế, tài chính, kế toán; chủ yếu sử dụng các hàm Excel để tính toán một số chỉ tiêu kinh tế, kế toán cơ bản; hướng dẫn lập sổ và báo cáo kế toán trên Excel để hoàn thiện quy trình kế toán trong đơn vị theo chế độ kế toán hiện hành.

9.23. Thị trường chứng khoán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán: Cơ chế vận hành, nội dung cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp; các công cụ để phân tích và định giá trái phiếu, cổ phiếu và các chỉ số chứng khoán liên quan, từ đó hình thành cơ sở để ra quyết định đầu tư chứng khoán.

9.24. Kinh tế lượng (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Xác suất – Thống kê

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh hồi quy một phương trình, cách phân tích đường dẫn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình, cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

9.25. Kinh tế quốc tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu tổng quan xu hướng phát triển kinh tế thế giới, thương mại quốc tế; các quan điểm cơ bản của Việt Nam về phát triển kinh tế đối ngoại. Đồng thời, đi sâu nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, nội dung của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và cách thức ghi sổ trong cán cân thanh toán.

9.26. Soạn thảo văn bản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và hệ thống văn bản quản lý hành chính nhà nước nói riêng; những yêu cầu về nội dung và thể thức của văn bản; quy trình xây dựng và ban hành văn bản; soạn thảo văn bản hành chính cá biệt; văn bản hành chính thông thường góp phần nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản cho người học, nhằm đáp ứng yêu cầu trong hoạt động thực tế sau này.

9.27. Lịch sử các học thuyết kinh tế (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1;2

Học phần trang bị một cách có hệ thống những nội dung cơ bản về lịch sử các học thuyết kinh tế, nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên, giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản qua các thời đại lịch sử, ý nghĩa của từng học thuyết trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

9.28. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học (Những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học, Bản chất lôgic của nghiên cứu khoa học, Phương pháp thu thập và xử lý thông tin và Tiến trình thực hiện đề tài).

9.29. Kinh tế Việt Nam (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về tình hình kinh tế xã hội của đất nước, những thuận lợi và khó khăn cũng như những bất cập trong phát triển kinh tế cả về chiều rộng và chiều sâu. Môn học sẽ tập trung nghiên cứu các

vấn đề về các nguồn lực phát triển kinh tế; về thể chế kinh tế; về tăng trưởng kinh tế; về giáo dục đào tạo, lao động việc làm và an sinh xã hội; về hội nhập kinh tế quốc tế.

9.30. Toán kinh tế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần Toán kinh tế đề cập đến việc ứng dụng các công cụ toán học nhằm mô hình hóa và phân tích định lượng các hiện tượng và quá trình diễn ra trong các hoạt động kinh tế. Học phần giới thiệu mô hình toán kinh tế, phân tích so sánh; các mô hình cân bằng và mô hình tối ưu. Vận dụng các thuật toán kinh tế tối ưu cơ bản để giải quyết các vấn đề kinh tế nảy sinh trong sản xuất, tiêu dùng và lưu thông hàng hóa.

9.31. Địa lý kinh tế Việt Nam (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển kinh tế đất nước Việt Nam nói chung và sự phân bố trên lãnh thổ; phân tích thực trạng phát triển của các nguồn lực kinh tế chủ yếu và một số ngành như: công nghiệp, nông – lâm – ngư nghiệp và dịch vụ; Tổ chức lãnh thổ kinh tế Việt Nam; Các ngành kinh tế Việt Nam; Các vùng kinh tế Việt Nam.

9.32. Tâm lý học quản lý (2 Tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tâm lý học quản lý, những hiện tượng tâm lý cá nhân, tập thể - đối tượng của hoạt động quản lý, tâm lý trong hoạt động quản lý, tâm lý trong hoạt động kinh doanh, giao tiếp trong hoạt động kinh doanh.

9.33. Quan hệ công chúng (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực Public Relation (PR). Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; quy trình hoạch định chương trình PR; các công cụ thực thi chính của PR; đánh giá hiệu quả chương trình PR. Ngoài ra, học phần còn đi tìm hiểu các hoạt động PR cụ thể trong doanh nghiệp và những yêu cầu đối với người làm nghề PR.

9.34. Kinh tế vi mô II (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vi mô I

Học phần phân tích hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất, ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường, phân tích các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các công cụ nâng cao trong quá trình phân tích cân bằng tổng quát cũng như kiến thức về lựa chọn trong điều kiện rủi ro.

9.35. Kinh tế vĩ mô II (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vĩ mô I

Kinh tế vĩ mô II nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung

cầu tiền, lãi suất, thâm hụt / thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Bên cạnh đó, Kinh tế vĩ mô II cũng sẽ nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu kinh tế trong ngắn hạn.

9.36. Toán kinh tế (3 Tín Chỉ)

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần Toán kinh tế cung cấp cho sinh viên các kiến thức để có thể lập mô hình bài toán từ các vấn đề kinh tế từ đó ứng dụng các kiến thức toán học để giải bài toán và phân tích kinh tế như ứng dụng đạo hàm, vi phân; học phần cũng giới thiệu một số bài toán nổi bật ứng dụng trong phân tích kinh tế như bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải, bài toán tối ưu hóa sản xuất và tiêu dùng.

9.37. Kinh tế công cộng (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu về vấn đề hiệu quả kinh tế, vấn đề thất bại của thị trường và các chính sách can thiệp của Chính phủ, vấn đề bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập, nghèo đói và vai trò của chính phủ trong tái phân bổ thu nhập, Vai trò của chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào cơ chế thị trường.

9.38. Kinh tế phát triển (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển để khám phá những gợi ý chính sách của lý thuyết phát triển và các nghiên cứu thực nghiệm đã và đang diễn ra cho các quốc gia đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa. Môn học sẽ tập trung nghiên cứu các chủ đề về kinh tế, xã hội... được tiếp cận dưới khía cạnh phát triển với mục đích giúp học viên tìm ra một khung phân tích chính sách liên quan cho từng chủ đề khác nhau tạo nền tảng cho việc phân tích tìm ra các gợi ý chính sách phát triển cho những quốc gia như Việt Nam đang đối diện với những thách thức đa dạng trong quá trình công nghiệp hóa.

9.39. Trồng trọt cơ bản (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu các phạm trù cơ bản và những nguyên tắc đại cương của nghề nông. Học phần cũng đề cập đến các tiến trình sinh lý cơ bản ảnh hưởng đến sản xuất cây trồng, các yếu tố của môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến sản xuất cây trồng như khí hậu, thời tiết, thủy văn, đất..Phần trọng tâm của học phần là các kỹ thuật cơ bản trong sản xuất cây trồng như cơ cấu cây trồng và canh tác tổng hợp; chuẩn bị đất canh tác; giống và vật liệu trồng; phương pháp gieo trồng & mật độ - khoảng cách; dịch hại cây trồng và biện pháp phòng trừ...

9.40. Chăn nuôi cơ bản (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trình bày một cách tổng quan về ngành chăn nuôi, tình hình chăn nuôi trong nước và trên thế giới, cung cấp những kiến thức cơ bản về trồng trọt; nguồn gốc, đặc điểm, sức sản xuất và công tác giống vật nuôi; sinh lý tiêu hóa và sinh lý sinh sản gia súc; dinh dưỡng và thức ăn của vật nuôi.

9.41. Chính sách nông nghiệp (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu những kiến thức tổng quan xung quanh vấn đề ban hành và thực thi chính sách nông nghiệp của chính phủ; lý luận cơ bản về chính sách như bản chất hoạch định chính sách, cơ sở hoạch định chính sách, yêu cầu và hoạch định chính sách, phân loại chính sách, công cụ và trình tự hoạch định chính sách; tầm quan trọng, nội dung, công cụ và phương pháp chủ yếu phân tích chính sách nông nghiệp; đồng thời học phần cũng giới thiệu các chính sách nông nghiệp điển hình.

9.42. Thị trường giá cả (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vi mô I

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường và giá cả hàng hóa nông sản, cách xây dựng giá cho các hợp đồng nông sản, phương pháp xác định giá sản phẩm, phân tích sự biến động giá cả theo không gian, thời gian và chất lượng sản phẩm, vai trò của Nhà nước đối với thị trường và giá cả nông sản.

9.43. Kinh tế hợp tác (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vĩ mô I

Học phần kinh tế hợp tác đề cập đến những kiến thức cơ bản về kinh tế hợp tác nói chung và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp nói riêng, các hình thức hợp tác kinh tế trong nông nghiệp, đánh giá một số hình thức kinh tế hợp tác nông thôn hiện nay để từ đó rút ra những kinh nghiệm để áp dụng vào quá trình hợp tác kinh tế trong tình hình chuyển đổi cơ chế quản lý của Nhà nước, đặc biệt học phần cũng đề cập đến một số định hướng, chính sách tác động của Chính phủ đến phong trào hợp tác kinh tế trong nông nghiệp.

9.44. Kinh tế nông hộ (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này giới thiệu chung về hộ nông dân và vấn đề kinh tế và chính trị của hộ nông dân, các học thuyết tối ưu hóa kinh tế hộ nông dân với việc tối đa hóa lợi nhuận, rủi ro và sự vất vả; một số mô hình kinh tế hộ; phát triển kinh tế hộ theo quy mô và các nhân tố năng suất, theo sự thay đổi kỹ thuật, sự thay đổi xã hội – chính trị, môi trường kinh doanh.

9.45. Marketing nông nghiệp (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: HP - Marketing căn bản

Học phần nghiên cứu mối quan hệ giữa người bán (người sản xuất) với người mua (người sử dụng sản phẩm) thông qua 4 yếu tố (thành phần) của Marketing, đó là sản phẩm (Product), giá (Price), phân phối (Place), chiêu thị cổ động (Promotion) tức là marketing hỗn hợp (marketing – mix). Các yếu tố này luôn được đặt trong mối quan hệ như một thể thống nhất. Giới thiệu một số tình huống liên quan đến phương cách đưa sản phẩm ra thị trường có hiệu quả nhất, cả người bán và người mua đều cảm thấy hài lòng.

9.46. Phát triển nông thôn (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về các lý thuyết phát triển nông nghiệp và nông thôn chủ yếu và sự tiến triển của các lý thuyết này qua từng giai đoạn khác

nhau và theo các quan điểm phát triển khác nhau. chú trọng tổng hợp và đưa ra một số kinh nghiệm phát triển nông thôn của một số quốc gia. Học phần cũng sẽ cung cấp khái quát con đường và giải pháp phát triển nông thôn của nước ta hiện nay và các vấn đề tồn tại ở khu vực nông nghiệp nông thôn cần phải được giải quyết trong thời kỳ hội nhập.

9.47. Kinh tế các ngành sản xuất (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đề cập đến các kiến thức cơ bản về các ngành sản xuất trong đó đi sâu vào ngành nông nghiệp: Tổ chức kinh tế trong các ngành sản xuất; Kinh tế nguồn lực trong các ngành sản xuất; Ra quyết định trong sản xuất; Cung cầu và tiêu thụ sản phẩm; Phát triển bền vững các ngành sản xuất.

9.48. Thống kê kinh tế nông nghiệp (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý thống kê

Học phần hướng dẫn nghiệp vụ công tác thống kê trong ngành nông nghiệp, bao gồm: thống kê các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất nông nghiệp (đất đai, tài sản cố định, tài sản lưu động, lao động); thống kê các quá trình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi và các ngành sản xuất khác trong nông nghiệp); thống kê kết quả và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

9.49. Quản lý dự án (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu một cách tổng quan về quản lý dự án, cung cấp các kỹ năng sử dụng phương pháp quản lý cơ bản, những kỹ thuật cho phép quản lý tốt tiến độ thực hiện dự án cũng như phân phối nguồn lực trong các điều kiện khác nhau.

9.50. Kinh tế tài nguyên (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần ứng dụng các nguyên tắc kinh tế học vào việc nghiên cứu các hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên sao cho hiệu quả. Học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản cho việc nghiên cứu sử dụng tài nguyên, các nguyên tắc và phương pháp trong kinh tế và quản lý tài nguyên, cách sử dụng và định giá đất, nước, cách khai thác các tài nguyên không thể tái tạo như khoáng sản, và tài nguyên có thể tái tạo như cá và rừng.

9.51. Kinh tế nguồn nhân lực (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vi mô I

Học phần nghiên cứu các quan điểm, các học thuyết kinh tế nhằm phục vụ cho việc vận dụng để hoạch định những chính sách quản lý nguồn nhân lực sao cho đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Học phần cung cấp kiến thức khái quát về kinh tế nguồn nhân lực; các vấn đề xoay quanh lao động như: thị trường, năng suất, tiền lương; công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; công tác trợ giúp xã hội đối với người lao động.

9.52. Chiến lược và kế hoạch phát triển (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về chiến lược và kế hoạch phát triển; phân tích tình hình ngành, vùng, quốc gia, vấn đề tầm nhìn, mục tiêu, giải pháp,

công tác tổ chức thực hiện của chiến lược và kế hoạch phát triển; hướng dẫn phương pháp xây dựng một chiến lược hay kế hoạch phát triển, công đoạn giám sát và đánh giá chiến lược phát triển.

9.53. Phương pháp khuyến nông (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản về khuyến nông, cơ sở khoa học của các phương pháp khuyến nông, hướng dẫn các phương pháp khuyến nông cơ bản (Phương pháp cá nhân, phương pháp nhóm và phương pháp khuyến nông qua phương tiện thông tin đại chúng).

9.54. Tiếng Anh chuyên ngành (3 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP -Tiếng Anh 3.

Học phần gồm 6 Unit (6 bài) những thuật ngữ, khái niệm cơ bản của Tiếng Anh chuyên ngành trong kinh doanh thương mại, về kế toán, về nhân lực, về chiến lược, về quảng cáo, về mua bán,... Giúp cho sinh viên nâng cao tầm hiểu biết, khả năng đọc dịch tài liệu chuyên ngành và hiểu được công tác thực tế sau này.

9.55. Quản lý Nhà nước về kinh tế (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống của một môn khoa học về việc Nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân trong thời kỳ hội nhập. Học phần bao gồm những vấn đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế; chức năng, vai trò, nguyên tắc và phương pháp của quản lý nhà nước về kinh tế; các công cụ quản lý vĩ mô nền kinh tế của nhà nước; thông tin, quyết định và cơ cấu bộ máy nhà nước về kinh tế.

9.56. Kinh tế thương mại – Dịch vụ (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế thương mại – dịch vụ; những vấn đề chủ yếu về thị trường, vốn, lao động, giá cả, chi phí kinh doanh, môi trường kinh doanh và lợi nhuận trong thương mại – dịch vụ; các ứng dụng của thương mại điện tử, cách thức tổ chức các hoạt động thương mại – dịch vụ, phân tích hoạt động kinh doanh thương mại – dịch vụ, chiến lược và các giải pháp kinh doanh thương mại – dịch vụ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

9.57. Nghiên cứu và đánh giá nông thôn (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trình bày lý luận và các khái niệm cơ bản về nghiên cứu phát triển nông thôn, phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn, trình tự nghiên cứu phát triển nông thôn, tổ chức nghiên cứu phát triển nông thôn, các phương pháp đánh giá nông thôn.

9.58. Quản lý kinh tế hộ và trang trại (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I

Học phần nghiên cứu những kiến thức tổng quan về kinh tế hộ và trang trại, qua đó người học có thể vận dụng để xây dựng phương hướng, kế hoạch sản xuất, quản trị được các

yếu tố trong sản xuất ở nông hộ và trang trại. Hạch toán được kết quả sản xuất kinh doanh của hộ và trang trại từ đó ra các quyết định phù hợp.

9.59. Kinh tế và quản lý lao động (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vi mô I

Học phần tập trung nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của kinh tế lao động, kiến thức về quản lý phát triển dân số và lao động, phân bố dân cư và sử dụng lao động, quản lý di cư lao động. Cách phân tích một số chính sách xã hội đối với người lao động.

9.60. Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (3 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các ngành sản xuất trong đó đi sâu vào ngành nông nghiệp: Tổ chức kinh tế trong các ngành sản xuất; Kinh tế nguồn lực trong các ngành sản xuất; Ra quyết định trong sản xuất; Cung cầu và tiêu thụ sản phẩm; Phát triển bền vững các ngành sản xuất.

9.61. Thực hành nghề nghiệp (4 TC)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành một số học phần cơ sở và chuyên ngành kinh tế nông nghiệp.

Sinh viên được trải nghiệm tiếp cận thực tế tại các cơ sở thuộc lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp, làm quen với việc điều hành, quản lý các yếu tố sản xuất; ứng dụng và so sánh một số vấn đề về nguyên lý, vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, đánh giá hoạt động của các tổ chức kinh tế thuộc lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp; Tìm hiểu những chính sách vận dụng vào trong thực tế; Xây dựng kế hoạch và bước đầu tổ chức điều hành sản xuất nông nghiệp thực tế tại cơ sở. Tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

- Các hình thức tổ chức kinh tế nông nghiệp;
- Kinh tế nguồn lực trong nông nghiệp;
- Vận dụng các nguyên tắc kinh tế trong nông nghiệp;
- Cung, cầu sản phẩm trong nông nghiệp;
- Marketing trong nông nghiệp;
- Kinh tế thương mại trong nông nghiệp;
- Phát triển nông nghiệp bền vững;

.....

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp Trường Đại học Tân Trào được ban hành kèm theo Quyết định số: 6277/QĐ-BGD&ĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quyết định số: 1655/QĐ-ĐHTTr, ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục, Quy chế, kèm theo các Quyết định có hiệu lực của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về đào tạo Đại học, Cao

đăng hệ chính quy theo hệ thống tín; chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giảng viên.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kinh tế nông nghiệp được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, đã bám sát các căn cứ đảm bảo tính pháp lý để xây dựng và tuân thủ theo quy định chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sự tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học có uy tín trong nước hiện đang đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp.

- Chương trình khung trình độ đại học ngành Kinh tế nông nghiệp được thiết kế theo hướng phát huy tích cực tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau này ra trường có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các Phòng, Khoa, Trung tâm, Bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Trung tâm, Bộ môn xây dựng đầy đủ, đảm bảo chất lượng hệ thống đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu, để tạo điều kiện cho tất cả các học phần tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động của người học, đặc biệt là hướng dẫn người học tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu. Đối với các học phần lý thuyết, cần tổ chức việc dạy và học theo yêu cầu phát huy tính chủ đạo của người dạy, tính chủ động, tích cực của người học. Cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu: tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học. Tăng cường hoạt động tự nghiên cứu và hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì, mỗi học kì thực hiện từ 10 – 17 tuần (theo kế hoạch tiến độ). Có thể tổ chức học kỳ phụ trong kỳ nghỉ hè nếu xét thấy cần thiết.

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lý thuyết học tại lớp: không quá 30 tiết/tuần, được chia thành các phần: Lý thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/tuần.

+ Mỗi tiết học là 50 phút.

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định chung của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Tân Trào.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Bá Đức

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 1655/QĐ-ĐHTTr, ngày 01 tháng 9 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình:	Kế toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kế toán tổng hợp
Mã số:	52340301
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu

Đào tạo cử nhân Kế toán trình độ đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng; có kiến thức cơ bản, cơ sở về kinh tế - quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức toàn diện chuyên sâu và kỹ năng thành thạo về lĩnh vực kế toán; kiểm toán; làm tốt công tác kế toán, kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp, đồng thời có khả năng hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị, đáp ứng yêu cầu trong các điều kiện thị trường, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo của khóa học, cử nhân kế toán đạt được những mục tiêu cụ thể về:

1.2.1. Kiến thức:

- Có kiến thức chuyên sâu trong mọi loại hình kế toán, trình bày và giải thích được các nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ, chính sách, cơ chế, quy chế, quy trình của công việc kế toán phù hợp với từng loại hình đơn vị kế toán;
- Phân tích, tổng hợp và đánh giá được tình trạng tài chính của đơn vị trên cơ sở các tài liệu kế toán và báo cáo tài chính;
- Có khả năng học tập, nâng cao, cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.
- Trình độ ngoại ngữ tiếng Anh bậc B; sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản, tin học văn phòng và tin học chuyên ngành.

1.2.2. Kỹ năng:

- Áp dụng được các nguyên lý, các chuẩn mực kế toán vào thực tế hoạt động kế toán của đơn vị (*theo từng loại hình doanh nghiệp; hành chính sự nghiệp*);

- Tổ chức thực hiện đầy đủ quy trình công tác hạch toán kế toán, kiểm toán trong mọi loại hình đơn vị kế toán (*doanh nghiệp; hành chính sự nghiệp v.v...*);

- Khai thác và sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán nhà nước, cũng như các phần mềm văn phòng thông dụng; các thông tin trên internet ...

- Kỹ năng làm việc theo nhóm; thuyết trình; sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và chuyên ngành;

- Kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo trong các đơn vị về lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán và tham gia xây dựng các mô hình về tổ chức công tác kế toán trong mọi loại hình đơn vị kế toán.

1.2.3. Thái độ:

- Có lập trường quan điểm vững vàng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện đúng nghĩa vụ, quyền lợi của người công dân.

- Có ý thức chuyên nghiệp hóa hoạt động kế toán, chấp hành nghiêm các nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán do Nhà nước quy định.

- Chủ động, tích cực tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, quản lý kinh tế, tài chính, yêu ngành, yêu nghề.

- Có tinh thần hợp tác, chủ động và thái độ thân thiện khi làm việc theo nhóm.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Kế toán là cán bộ kế toán, tài chính trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế; các cơ quan quản lý tài chính Nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ ... ; tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; là cán bộ nghiên cứu, giảng viên về kinh tế, kế toán, tài chính tại các trường, viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ (*không kể giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng*).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khỏe để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường, 1 học kỳ thực hành nghề nghiệp tại phòng kế toán ảo của trường và thực tập tốt nghiệp tại cơ sở thực tế. Cuối khóa, sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Thang điểm

Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương			27	255	150			
7.1.1. Lí luận Chính trị			10	104	46			
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	21	9		×	
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	31	14		×	
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9		×	
4	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	31	14		×	
7.1.2. Ngoại ngữ			7	57	48			
5	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	25	20		×	
6	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	16	14		×	
7	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	16	14		×	
7.1.3. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên			8	74	46			
8	TN2.1.108.3	Toán cao cấp	3	25	20		×	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
9	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	3	30	15		×	
10	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	19	11		×	
7.1.4. Khoa học xã hội			2	20	10			
11	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	20	10		×	
7.1.5. Giáo dục Thể chất – GD Quốc phòng			15					
12	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1	02				×	
13	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	03					×
14	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	03					×
15	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	03					×
16	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	03					×
17	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	03					×
18	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	03					×
19	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	02					×
20	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	02					×
21	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	02					×
22	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	02					×
23	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	02					×
24	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	02					×
25	TC2.1.014.3	QDQP – An ninh	03				×	
26	TC2.1.015.2	QDQP – An ninh	02				×	
27	TC2.1.016.3	QDQP – An ninh	03				×	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93	943	287	810		

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành			6	70	20			
28	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô	3	35	10		×	
29	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô	3	35	10		×	
7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành			22	256	74			
30	KT2.1.003.2	Marketing căn bản	2	23	7		×	
31	KT2.1.004.2	Luật và chuẩn mực kế toán	2	25	5		×	
32	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán	3	35	10		×	
33	KT2.1.006.3	Kinh tế lượng	3	34	11		×	
34	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê	3	34	11		×	
35	KT2.1.008.3	Tài chính – Tiền tệ	3	34	11		×	
36	KT2.1.009.2	Pháp luật kinh tế	2	25	5		×	
37	KT2.1.010.2	Hệ thống thông tin kế toán	2	23	7			×
38	KT2.1.011.2	Quản trị học	2	23	7			×
39	TN2.1.112.2	Toán kinh tế	2	20	10			×
40	LL2.1.013.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	23	7			×
41	XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản	2	23	7			×
7.2.3. Kiến thức cơ sở của ngành chính			25	284	91			
42	KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1	3	35	10		×	
43	KT2.1.013.3	Kế toán quản trị	3	35	10		×	
44	KT2.1.014.3	Kế toán tài chính 2	3	35	10		×	
45	KT2.1.015.2	Tài chính công	2	23	7		×	
46	KT2.1.016.2	Lý thuyết kiểm toán	2	23	7		×	
47	KT2.1.017.2	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	22	8		×	
48	KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp	3	34	11		×	
49	KT2.1.019.3	Kế toán thuế	3	35	10		×	
50	KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế	2	23	7			×
51	KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán	2	23	7			×
52	KT2.1.045.2	Tin học ứng dụng (ITCLT; ITCTH)	2	15	30			×

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
53	KT2.1.022.2	Thuế Nhà nước	2	23	7			×
54	KT2.1.023.2	Định giá tài sản	2	23	7			×
55	KT2.1.046.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	19	11			×
7.2.4. Kiến thức chuyên ngành kế toán tổng hợp			25	264	81	60		
56	KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	35	10		×	
57	KT2.1.040.2	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	2	25	5		×	
58	KT2.1.026.3	Kế toán tài chính 3	3	35	10		×	
59	KT2.1.027.2	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	2	20	10		×	
60	KT2.1.028.3	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	35	10		×	
61	KT2.1.029.3	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	35	10		×	
62	KT2.1.030.3	Kế toán máy (1TCLT;2TCTH)	3	15		60	×	
63	KT2.1.031.2	Kế toán công ty	2	23	7			×
64	KT2.1.032.2	Thanh toán quốc tế	2	23	7			×
65	KT2.1.033.2	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	2	23	7			×
66	KT2.1.034.2	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	23	7			×
67	KT2.1.035.2	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	22	8			×
7.2.5. Thực hành nghề nghiệp			5			150		
68	KT2.1.036.3	Thực hành kế toán doanh nghiệp	3			90	×	
69	KT2.1.037.2	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	2			60	×	
7.2.6. Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế khóa luận)			10	69	21	600		
70	KT2.1.038.4	Thực tập cuối khóa	4			240	×	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			Tín chỉ	
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn
		(1TC = 60 giờ)						
71	KT2.1.039.6	Khóa luận tốt nghiệp (1TC = 60 giờ)	6			360	×	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6	69	21			
72	KT2.1.025.2	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	2	23	7			x
73	KT2.1.041.2	Kế toán ngân hàng thương mại	2	23	7			×
74	KT2.1.042.2	Kế toán quốc tế	2	23	7			×
75	KT2.1.043.2	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2	23	7			×
76	KT2.1.044.2	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	23	7			×
Tổng cộng			120	1198	437	810	106	14

Ghi chú:

- Chương trình đào tạo có tổng khối lượng kiến thức là 120 tín chỉ
(Không kể giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng)
- Kiến thức cơ sở **ngành**: Số tín chỉ tự chọn 04 (02 học phần)
- Kiến thức cơ sở của **ngành chính**: Số tín chỉ tự chọn 04 (02 học phần)
- Kiến thức **chuyên ngành** Kế toán tổng hợp: Số tín chỉ tự chọn 06 (03 học phần)

8. Kế hoạch giảng dạy: (Dự kiến)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì								
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1			2	2								
2	TN2.1.108.3	Toán cao cấp			3	3								
3	KT2.1.001.3	Kinh tế vi mô	TN2.1.108.3		3	3								
4	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1			3	3								
5	TC2.1.001.2	<i>Giáo dục thể chất 1</i>			2	2								
6	TC2.1.014.3	<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1</i>			3	3								
7	TC2.1.015.2	<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2</i>			2	2								
8	TC2.1.016.3	<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3</i>			3	3								
9	KT2.1.004.2	Luật và chuẩn mực kế toán			2	2								
10	TN2.1.501.2	Tin học đại cương			2	2								
11	LL2.1.002.3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	LL3.1.001.2	(**)	3		3							
12	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		(**)	2		2							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
13	TN2.1.109.3	Xác suất - Thống kê	TN2.1.108.3		3		3						
14	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3		2		2						
15	KT2.1.005.3	Nguyên lý kế toán		(**)	3		3						
16	KT2.1.008.3	Tài chính - tiền tệ		(**)	3		3						
*	Học phần tự chọn cơ sở ngành (02 HP)												
17	KT2.1.010.2	Hệ thống thông tin kế toán			2								
18	KT2.1.011.2	Quản trị học		(**)	2		2						
19	KT2.1.012.2	Toán kinh tế			2								
20	LL2.1.113.2	Lịch sử các học thuyết kinh tế			2								
21	XH2.1.055.2	Soạn thảo văn bản		(**)	2			2					
22	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)			3		3						
23	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)			3		3						
24	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)			3		3						
25	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2			3		3						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
		<i>(Cầu lông 1)</i>											
26	TC2.1.006.3	<i>Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)</i>			3		3						
27	TC2.1.007.3	<i>Giáo dục thể chất 2 (Điện kinh 1)</i>			3		3						
28	KT2.1.003.2	Marketing căn bản	KT2.1.001.3	(**)	2			2					
29	KT2.1.018.3	Tài chính doanh nghiệp	KT2.1.008.3	(**)	3			3					
30	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.002.3	(**)	2			2					
31	KT2.1.012.3	Kế toán tài chính 1	KT2.1.005.3		3			3					
32	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.2		2			2					
33	TC2.1.008.2	<i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)</i>			2			2					
34	TC2.1.009.2	<i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)</i>			2			2					
35	TC2.1.010.2	<i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)</i>			2			2					
36	TC2.1.011.2	<i>Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)</i>			2			2					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
37	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)			2			2					
38	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)			2			2					
39	KT2.1.002.3	Kinh tế vĩ mô		(**)	3				3				
*	Học phần tự chọn cơ sở của ngành chính (02 học phần – 04 TC):												
40	KT2.1.020.2	Kinh tế quốc tế			2								
41	KT2.1.021.2	Thị trường chứng khoán			2			2					
42	KT2.1.045.2	Tin học ứng dụng (ITCLT; ITCTH)			2								
43	KT2.1.022.2	Thuế Nhà nước			2								
44	KT2.1.046.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học			2				2				
45	KT2.1.009.2	Pháp luật kinh tế	LL2.1.007.2	(**)	2				2				
46	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LL2.1.003.2	(**)	3				3				
47	KT2.1.007.3	Nguyên lý thống kê	TN2.1.108.3		3				3				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
48	KT2.1.013.3	Kế toán quản trị	KT2.1.005.3	(**)	3					3			
49	KT2.1.014.3	Kế toán tài chính 2	KT2.1.012.3		3					3			
50	KT2.1.015.2	Tài chính công	KT2.1.008.3	(**)	2					2			
51	KT2.1.017.2	Tiếng Anh chuyên ngành 1	NN2.1.003.2	(**)	2					2			
*	<i>Học phần tự chọn kiến thức chuyên ngành (03 học phần – 06 TC):</i>												
52	KT2.1.031.2	Kế toán công ty	KT2.1.005.3	2									
53	KT2.1.032.2	Thanh toán quốc tế		2									
54	KT2.1.033.2	<i>Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i>		(**)	2					2			
55	KT2.1.034.2	<i>Nghiệp vụ ngân hàng thương mại</i>			2				2				
56	KT2.1.035.2	<i>Tiếng Anh chuyên ngành 2</i>	NN2.1.003.2		2						2		
57	KT2.1.040.2	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	KT2.1.005.3		2						2		
58	KT2.1.006.3	Kinh tế lượng	KT2.1.109.3		3						3		
59	KT2.1.024.3	Kế toán hành chính sự nghiệp	KT2.1.005.3		3						3		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện		Tổng TC	Số TC trong học kì							
			Tiên quyết	Song hành		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
		khóa luận tốt nghiệp											
*	<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (03 học phần – 06 TC):</i>												
72	KT2.1.025.2	<i>Kế toán doanh nghiệp xây lắp</i>	KT2.1.005.3		2								
73	KT2.1.041.2	<i>Kế toán ngân hàng thương mại</i>	KT2.1.005.3		2								
74	KT2.1.042.2	<i>Kế toán quốc tế</i>	KT2.1.005.3		2								
75	KT2.1.043.2	<i>Kế toán ngân sách và tài chính xã</i>	KT2.1.005.3		2								
76	KT2.1.044.2	<i>Quản trị tài chính doanh nghiệp</i>	KT2.1.011.2		2								
		Tổng cộng			120	15	18	16	15	12	15	14	15

Ghi chú: - Các học phần có dấu (**) trên cột “Điều kiện song hành” là các học phần bố trí học ghép;

- Các học phần viết chữ “**Nghiêng**” là các học phần tự chọn.

9. Mô tả học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2 (5 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin được thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những nội dung cơ bản trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về các vấn đề: Thế giới quan và phương pháp luận triết học; học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội.

9.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin

2

Nội dung học phần Tư Tưởng Hồ Chí Minh Theo hướng dẫn Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT về chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Học phần cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; người học có những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

9.3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng từ khi thành lập Đảng đến nay, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới.

9.4. Tiếng Anh 1 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; SV được rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ - nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi thông tin, hiểu được thông tin về cá nhân, gia đình, các hoạt động hàng ngày, sở thích, sự việc trong quá khứ, kế hoạch tương lai,

Kết thúc học phần, SV có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A1

9.5. Tiếng Anh 2 (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 1

Học phần tiếp tục cung cấp cho SV những kiến thức của tiếng Anh ở các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- nghe,

nói, đọc, viết, có thể trao đổi thông tin, hiểu được thông tin về sở thích cá nhân, sự nghiệp, công việc, nghề nghiệp, trải nghiệm trong cuộc sống...

Kết thúc học phần, SV có trình độ tiếng Anh tương đương đầu Bậc A2.

9.6. Tiếng Anh 3 (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 2

Học phần tiếp tục cung cấp cho SV những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi, hiểu được thông tin về các sự kiện trong cuộc sống, đánh giá, nhận xét, trình bày quan điểm về các vấn đề xã hội, lịch sử, văn hóa, ...

Kết thúc học phần, SV có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A2.

9.7. Toán cao cấp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, hàm số nhiều biến số, phép tính tích phân của hàm số một biến số, tích phân kép, phương trình vi phân và chuỗi số

9.8. Xác suất - Thống kê (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Đại số tổ hợp, phép thử và biến cố, các định nghĩa và công thức của xác suất, biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

9.9. Tin học đại cương (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tin học như: Hệ thống máy tính, các khái niệm cơ bản về máy tính, thông tin, dữ liệu,... Khai thác một số phần mềm ứng dụng như: Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Power Point và hướng dẫn các thao tác về Internet, Email, ...

9.10. Pháp luật đại cương (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam làm nền tảng cho việc học, thực hiện pháp luật, là cơ sở để sinh viên tiếp tục nghiên cứu học phần Pháp luật kinh tế.

9.11. Giáo dục thể chất (7TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất; một số kiến thức cơ bản về Y - Sinh học Thể dục, thể thao; chạy cự li ngắn; cự li trung bình; những động tác, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao

(Bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, võ thuật), đặc điểm, ý nghĩa tác dụng của GDTC đối với người tập luyện; hiểu được một số điều luật cơ bản, chiến thuật đơn giản trong các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài ... Nhằm phát triển con người toàn diện (Đức – Trí – Thể - Mỹ);

9.12. Giáo dục quốc phòng (8TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng - An ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam; những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Luyện tập cho người học những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

9.13. Kinh tế vi mô (3TC)

Điều kiện song hành: HP - Toán cao cấp

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô như: cầu, cung, độc quyền, cạnh tranh và tối ưu hóa; tính quy luật, xu hướng vận động của kinh tế vi mô, lý thuyết sản xuất và thị trường sản phẩm, những khuyết tật của kinh tế thị trường. Nghiên cứu những kiến thức kinh tế cơ sở về hành vi của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong một nền kinh tế thị trường. Trên cơ sở đó, để tính toán và phân tích một số mô hình kinh tế cơ bản, giúp cho việc đánh giá, lựa chọn được phương án kinh doanh tối ưu.

9.14. Kinh tế vĩ mô (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tài chính – Tiền tệ

Học phần hệ thống những nội dung cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm các chính sách và nguyên lý vận hành nền kinh tế; vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền Kinh tế quốc dân như: hoạch định chiến lược kinh tế, xây dựng các chế độ, chính sách kinh tế, tài chính của Nhà nước; đo lường các biến số kinh tế vĩ mô.

9.15. Quản trị học (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị trong các tổ chức và doanh nghiệp, tập trung nghiên cứu, phân tích các vấn đề như: Khái niệm, kỹ năng, nguyên tắc, quyết định và các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra), trên cơ sở đó đi sâu vào quản trị sản xuất tác nghiệp; quản trị nguồn nhân lực, quyết định và xây dựng chiến lược trong kinh doanh.

9.16. Nguyên lý thống kê (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học thống kê: Mặt lượng, liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn, gắn liền với các điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Đồng thời, tập trung nghiên cứu các quá trình điều tra; tổng hợp số liệu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê chủ yếu.

9.17. Tài chính- Tiền tệ (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về hệ thống tài chính - tiền tệ như: Bản chất, chức năng, chính sách, cấu trúc hệ thống tài chính; xác định các chỉ tiêu kinh tế - tài chính cơ bản (lạm phát, lãi suất, tín dụng, chi phí, giá thành,...) trong nền kinh tế thị trường và một số vấn đề xoay quanh các tổ chức tín dụng trung gian.

9.18. Pháp luật kinh tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Pháp luật đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những quy định pháp luật của Việt Nam, tập trung đi sâu nghiên cứu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động kinh tế - tài chính; các quy định về hợp đồng kinh tế; giải quyết các tranh chấp, phá sản trong các loại hình doanh nghiệp; đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

9.19. Marketing căn bản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kinh tế vi mô

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Marketing, vai trò, chức năng của thị trường; phương pháp nghiên cứu (các quy luật kinh tế thị trường, tính quy luật nhu cầu thị trường); phân tích thị trường; hành vi mua hàng và nhu cầu của người tiêu dùng; xây dựng các chính sách sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến, yểm trợ nhằm đạt được hiệu quả tối ưu trong kinh doanh.

9.20. Nguyên lý kế toán (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Luật và chuẩn mực kế toán

Học phần trang bị cho người học những nguyên lý chung về kế toán như: Bản chất, đối tượng và các phương pháp hạch toán kế toán. Trên cơ sở đó tập trung đi sâu nghiên cứu những nội dung cơ bản của từng phương pháp kế toán (chứng từ, tài khoản, tính giá và tổng hợp - cân đối kế toán), vận dụng vào việc hạch toán các quá trình kinh tế chủ yếu của đơn vị kế toán; sổ kế toán và các hình thức kế toán; báo cáo kế toán, giúp người học có cái nhìn tổng quan ban đầu về công việc của kế toán và học tập các học phần kế toán chuyên ngành.

9.21. Luật và chuẩn mực kế toán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu các kiến thức tổng quan về hệ thống các văn bản pháp quy về kế toán (luật điều chỉnh nội dung của công tác kế toán, luật về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán), khái quát về chuẩn mực kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kế toán.

9.22. Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 3

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về chuyên ngành kinh tế, kế toán bằng tiếng Anh, giới thiệu và tăng cường vốn từ tiếng Anh chuyên ngành, hướng dẫn kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên để sinh viên tự đọc sách chuyên ngành.

9.23. Tài chính công (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tài chính – Tiền tệ

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về quản lý tài chính Nhà nước như: Khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và thu, chi tài chính Nhà nước; phương pháp xây dựng dự toán; tổ chức chấp hành và thanh, quyết toán NSNN theo Luật ngân sách.

9.24. Thuế Nhà nước (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức chuyên môn về thuế Nhà nước: Lý luận về thuế; hệ thống thuế Việt Nam; khái niệm, đặc điểm cơ bản, phương pháp tính từng loại thuế, các thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán từng sắc thuế; công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về thuế theo từng luật thuế.

9.25. Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tiếng Anh 3

Học phần gồm 06 Unit (06 bài), trang bị cho sinh viên những thuật ngữ, khái niệm cơ bản của Tiếng Anh chuyên ngành trong kinh doanh thương mại, về kế toán, nhân lực, chiến lược, quảng cáo, mua bán, ... Giúp cho sinh viên nâng cao tầm hiểu biết, khả năng đọc, dịch tài liệu chuyên ngành.

9.26. Định giá tài sản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học các mô hình định giá tài sản của doanh nghiệp, các kiến thức cơ bản, nguyên tắc, phương pháp và quy trình về thẩm định giá nói chung và định giá doanh nghiệp nói riêng chủ yếu tại Việt nam. Đánh giá được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở đó xác định được giá trị thị trường của doanh nghiệp.

9.27. Kế toán thuế (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Thuế nhà nước; Nguyên lý kế toán

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán các loại sắc thuế hiện hành, bao gồm: Nội dung, nguyên tắc và các phương pháp kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp từng loại thuế và lập một số báo cáo thuế chủ yếu theo luật định.

9.28. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường; các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến nguồn vốn và quản lý nguồn vốn kinh doanh; tín dụng; ngân quỹ và thanh toán qua ngân hàng, bảo lãnh... của ngân hàng thương mại.

9.29. Tin học ứng dụng (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP- Tin học đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tin học được ứng dụng trong hoạt động kinh tế, tài chính, kế toán; chủ yếu sử dụng các hàm Excel để tính toán một số chỉ tiêu kinh tế, kế toán cơ bản; hướng dẫn lập sổ và báo cáo kế toán trên Excel để hoàn thiện quy trình kế toán trong đơn vị theo chế độ kế toán hiện hành.

9.30. Thị trường chứng khoán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu các kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán: Cơ chế vận hành, nội dung cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp; các công cụ để phân tích và định giá trái phiếu, cổ phiếu và các chỉ số chứng khoán liên quan, từ đó hình thành cơ sở để ra quyết định đầu tư chứng khoán.

9.31. Thanh toán quốc tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương; các điều kiện thanh toán quốc tế, các thủ tục hải quan, các phương tiện, phương thức thanh toán quốc tế phù hợp theo quy định của pháp luật.

9.32. Kinh tế lượng (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Xác suất – Thống kê

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình, cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

9.33. Hệ thống thông tin kế toán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức căn bản về các khái niệm và các cách thức tổ chức, xử lý, đánh giá và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện tin học hóa, đồng thời giới thiệu về các chu trình kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó là cơ sở để có thể tiếp cận được công tác kế toán trong thực tế của doanh nghiệp.

9.34. Kinh tế quốc tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu tổng quan xu hướng phát triển kinh tế thế giới, thương mại quốc tế; các quan điểm cơ bản của Việt Nam về phát triển kinh tế đối ngoại. Đồng thời, đi sâu nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, nội dung của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và cách thức ghi sổ trong cân cán thanh toán.

9.35. Soạn thảo văn bản (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và hệ thống văn bản quản lý hành chính nhà nước nói riêng; những yêu cầu về nội dung và thể thức của văn bản; quy trình xây dựng và ban hành văn bản; soạn thảo văn bản hành chính cá biệt; văn bản hành chính thông thường góp phần nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản cho người học, nhằm đáp ứng yêu cầu trong hoạt động thực tế sau này.

9.36. Lịch sử các học thuyết kinh tế (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1;2

Học phần trang bị một cách có hệ thống những nội dung cơ bản về lịch sử các học thuyết kinh tế, nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên, giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản qua các thời đại lịch sử, ý nghĩa của từng học thuyết trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

9.37. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho sinh những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học (Những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học, Bản chất lôgic của nghiên cứu khoa học, Phương pháp thu thập và xử lý thông tin và Tiến trình thực hiện đề tài).

9.38. Kế toán doanh nghiệp xây lắp (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp xây lắp: Khái quát về công tác kế toán của các đơn vị xây lắp; Nguyên tắc, phương pháp hạch toán từng phần hành kế toán cụ thể ở doanh nghiệp xây lắp như: Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

9.39. Tài chính doanh nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tài chính – Tiền tệ

Học phần trang bị cho người học một cách có hệ thống các nội dung cơ bản về tài chính doanh nghiệp: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của tài chính doanh nghiệp; nghiên cứu chi tiết về quản lý, sử dụng, cơ cấu nguồn vốn và dự toán nhu cầu vốn kinh doanh; chi phí sản xuất kinh doanh; giá thành sản phẩm; doanh thu, lợi nhuận và các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.

9.40. Kế toán quản trị (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần trang bị cho người học về hoạt động nội bộ của doanh nghiệp; mối quan hệ giữa kế toán chi phí với kế toán tài chính, kế toán quản trị. Trên cơ sở đó tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản như: Xác định chi phí sản xuất kinh doanh; giá thành sản phẩm và thực hiện chức năng kiểm soát, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, chi phí, lợi nhuận; lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định đầu tư; lập dự toán sản xuất, kinh doanh... nhằm phục vụ cho việc điều hành, kiểm tra và ra các quyết định về kinh tế có hiệu lực.

9.41. Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán tài chính 3

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức tổng quan về việc tổ chức sử dụng các phương pháp chuyên môn của hạch toán kế toán, để thực hiện quy trình của công tác kế toán: Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán; hệ thống tài khoản kế toán; hệ thống sổ kế toán; tổ chức thực hiện chế độ báo cáo kế toán và tổ chức bộ máy kế toán, theo chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

9.42. Kế toán tài chính 1 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên môn về trình tự, nội dung, nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán tài chính trong doanh nghiệp như: Kế toán vốn bằng tiền; đầu tư ngắn hạn; các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.

9.43. Kế toán tài chính 2 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán tài chính 1

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng hạch toán của một số phần hành kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

9.44. Kế toán tài chính 3 (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán tài chính 2

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; Đặc điểm kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của loại hình doanh nghiệp xây lắp; thương mại, dịch vụ và lập các báo cáo tài chính doanh nghiệp.

9.45. Kế toán hành chính sự nghiệp (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành về kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp: Quản lý và kiểm soát nguồn kinh phí, tình hình sử dụng, chấp hành dự toán thu, chi, thực hiện các tiêu chuẩn, định mức thu, chi tại các đơn vị và thanh, quyết toán kinh phí, theo quy trình của công việc kế toán: Lập chứng từ, xử lý các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, ghi sổ kế toán và lập các báo cáo kế toán.

9.46. Lý thuyết kiểm toán (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những nội dung kiến thức cơ sở về hoạt động kiểm toán: Bản chất và chức năng của kiểm toán; Đối tượng, một số khái niệm trong kiểm toán; Phương pháp kiểm toán; Trình tự kiểm toán; Tổ chức bộ máy kiểm toán. Từ đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để thực hiện một số công việc cơ bản hoặc tham gia một phần công việc của một cuộc kiểm toán.

9.47. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về: đặc điểm hoạt động, nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ, nguyên tắc và phương pháp kế toán nghiệp vụ: Mua - Bán hàng hóa trong nước, các nghiệp vụ kinh doanh xuất – nhập khẩu, hoạt động kinh doanh dịch vụ, xác định kết quả và phân phối kết quả kinh doanh.

9.48. Kế toán quốc tế (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp hạch toán của kế toán quốc tế và đặc biệt là kế toán Mỹ. Cụ thể: Thực hiện được công việc hạch toán cơ bản theo hệ thống kế toán Mỹ; Hoàn thiện chu kỳ kế toán thông qua các bước cơ bản, nhằm xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ hạch toán kế toán Mỹ; Lập được các báo cáo tài chính cơ bản theo hệ thống kế toán Mỹ.

9.49. Toán kinh tế (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Toán cao cấp

Học phần Toán kinh tế đề cập đến việc ứng dụng các công cụ toán học nhằm mô hình hóa và phân tích định lượng các hiện tượng và quá trình diễn ra trong các hoạt động kinh tế. Học phần giới thiệu mô hình toán kinh tế, phân tích so sánh; các mô hình cân bằng và mô hình tối ưu. Vận dụng các thuật toán kinh tế tối ưu cơ bản để giải quyết các vấn đề kinh tế nảy sinh trong sản xuất, tiêu dùng và lưu thông hàng hóa.

9.50. Kế toán công ty (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản về các quy trình nghiệp vụ: Thành lập, biến động vốn góp, phân phối lợi nhuận, phát hành và thanh toán trái phiếu... trong các loại hình công ty trên cơ sở kết hợp chế độ kế toán hiện hành với các quy định pháp lý hiện hành; giải thể và tổ chức lại công ty và lập báo cáo tài chính hợp nhất.

9.51. Kế toán máy (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán tài chính 3

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính doanh nghiệp trên máy vi tính; tổ chức công tác kế toán khi áp dụng phần mềm kế toán;

thực hành các thao tác khai thác toàn bộ quy trình hạch toán trên phần mềm kế toán chuyên dụng.

9.52. Kiểm toán báo cáo tài chính (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Lý thuyết kiểm toán; Kế toán tài chính 3

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên môn về kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán các chu trình và các khoản mục chủ yếu của doanh nghiệp như: Kiểm toán tiền, chu kỳ bán hàng - thu tiền; Kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán; Hàng tồn kho; Tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn; Kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự; Chi phí và giá thành; Kiểm toán các thông tin khác trên báo cáo tài chính (báo cáo kế toán). Thủ tục và phương pháp lập báo cáo kiểm toán và thu quản lý cho cuộc kiểm toán.

9.53. Phân tích hoạt động kinh doanh (3TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Tài chính – Tiền tệ; Kế toán tài chính 3

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp, kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động tài chính, sản xuất kinh doanh, tiêu thụ của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó chỉ ra các nguyên nhân và đề xuất các biện pháp quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản, vật tư, tiền vốn của đơn vị.

9.54. Thực hành kế toán doanh nghiệp (3 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP- Kế toán tài chính 3

Học phần hướng dẫn người học thực hành hoàn thiện các thao tác cơ bản, nội dung, phương pháp về toàn bộ quy trình của công việc hạch toán kế toán, trên cơ sở dữ liệu thực hành giả định của một doanh nghiệp sản xuất như: Lập các loại chứng từ; Ghi hệ thống sổ kế toán có liên quan và lập một số báo cáo bắt buộc theo chế độ kế toán hiện hành.

9.55. Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Kế toán Hành chính sự nghiệp

Học phần hướng dẫn người học thực hành hoàn thiện các thao tác cơ bản, nội dung, phương pháp về toàn bộ quy trình của công việc hạch toán kế toán, trên cơ sở dữ liệu thực hành giả định của một đơn vị hành chính sự nghiệp như: Lập các loại chứng từ; Ghi hệ thống sổ kế toán có liên quan và lập một số báo cáo bắt buộc theo chế độ kế toán hiện hành.

9.56. Kế toán ngân sách xã, phường (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về công tác kế toán ngân sách và tài chính xã: Nội dung, nguyên tắc và các phương pháp hạch toán kế toán một số phần hành kế toán chủ yếu, thuộc lĩnh vực ngân sách, tài chính xã theo luật Ngân sách và chế độ kế toán hiện hành.

9.57. Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán; Kế toán tài chính 3

Học phần đi sâu vào nội dung, nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán theo từng phần hành kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa: Lập chứng từ; ghi sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết và lập báo cáo kế toán theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

9.58. Kế toán ngân hàng thương mại (2TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Nguyên lý kế toán; Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức đặc thù trong hoạt động kế toán ngân hàng thương mại như: Tổ chức công tác kế toán; phương pháp kế toán các loại nguồn vốn và các nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại; từ đó xác định được thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh để lập được các báo cáo kế toán theo quy định của chế độ kế toán.

9.59. Quản trị tài chính doanh nghiệp (2 TC)

Điều kiện tiên quyết: HP - Quản trị học

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, bao gồm: quản lý tài sản cố định; quản lý tài sản lưu động và vốn lưu động; quản lý vốn bằng tiền; quản lý tín dụng thương mại; quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp; các quyết định và phân tích về chi phí đầu tư; phân tích tài chính trong quản lý doanh nghiệp.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục, Quy chế, kèm theo các Quyết định có hiệu lực của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo; các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo hệ vừa làm vừa học; các quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín; chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giảng viên.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán hệ vừa làm vừa học được xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt (*theo quyết định số: 6277/QĐ-BGD&ĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo*) và Quyết định của Hiệu trưởng Trường đại học Tân Trào (*Quyết định số 1655/QĐ-ĐHTTr, ngày 01 tháng 9 năm 2015*), Quyết định số 471/QĐ-ĐHTTr, ngày 19 tháng 7 năm 2017 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ), đồng thời tuân thủ theo quy định chương trình khung của Bộ Giáo dục & Đào tạo, có sự tham khảo chương trình đào tạo của một số trường Đại học có uy tín trong nước hiện đang đào tạo ngành Kế toán.

- Chương trình khung trình độ đại học ngành Kế toán hệ vừa làm vừa học được thiết kế theo hướng phát huy tích cực tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau này ra trường có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các Phòng, Khoa, Trung tâm, Bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được

duyet. Nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Trung tâm, Bộ môn xây dựng đầy đủ, đảm bảo chất lượng hệ thống đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu, để tạo điều kiện cho tất cả các học phần tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động của người học, đặc biệt là hướng dẫn người học tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu. Đối với các học phần lý thuyết, cần tổ chức việc dạy và học theo yêu cầu phát huy tính chủ đạo của người dạy, tính chủ động, tích cực của người học. Cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu: tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học. Tăng cường hoạt động tự nghiên cứu và hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp ở từng năm học, chi tiết cho từng học kỳ và thời khóa biểu hàng tuần, phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù của ngành, của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ, mỗi học kỳ thực hiện từ 12 – 18 tuần (theo kế hoạch tiến độ). Có thể tổ chức học kỳ phụ trong kỳ nghỉ hè nếu xét thấy cần thiết.

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lý thuyết học tại lớp: không quá 30 tiết/tuần, được chia thành các phần: Lý thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/tuần.

+ Mỗi tiết học là 50 phút.

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định chung của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Tân Trào.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Bá Đức

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số 1655/QĐ-ĐHTTr ngày 01/9/2015)

1. Kinh tế nông nghiệp
2. Kế toán

Tuyên Quang, năm 2015